

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 70/2023/DS-ST

Ngày: 28/9/2023

"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào.

Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm.
Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/ST-DS ngày 07/3/2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐST –DS ngày 30/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐ - HPT ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: thôn L H, xã T Q, huyện N S, tỉnh H D. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Mạc Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn L H, xã T Q, huyện N S, tỉnh H D.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. ĐKKHKT: thôn L H, xã T Q, huyện N S, tỉnh H D. Hiện đang sinh sống tại Đài Loan.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Vương Thị T trình bày: Chị và vợ chồng anh Mạc Văn T và chị Nguyễn Thị T có mối quan hệ họ hàng. Do cần tiền kinh doanh nên anh T chị T đặt vấn đề muốn vay tiền chị. Trên cơ sở tự nguyện, chị đã nhất trí cho anh T, chị T vay tiền làm 06 lần. Cụ thể: Lần 1. Ngày 20/01/2020 chị cho vợ chồng anh chị T T vay với số tiền 30.000.000đ. Lần 2. Ngày 07/5/2020 chị cho vợ chồng bị đơn vay số tiền 20.000.000đ. Lần 3. Ngày 4/9/2020 chị cho vợ chồng anh T

chị T vay số tiền 250.000.000đ. Lần 4: Ngày 4/4/2021 chị cho vợ chồng anh T chị T vay số tiền 50.000.000đ. Lần 5: Ngày 18/5/2021 chị cho vợ chồng anh T chị T vay số tiền 50.000.000đ. Lần 6: Ngày 22/5 và ngày 27/5/2021 chị cho vợ chồng anh T chị T vay số tiền 150.000.000đ. Tất cả 06 lần cho vay đều được thiết lập giấy biên nhận, có chữ ký và chữ viết của anh T chị T. Giấy vay tiền đều không thỏa thuận thời hạn trả (riêng giấy vay tiền ngày 04/9/2020 có thỏa thuận vay 5 tháng đến 10 tháng), không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, trên thực tế vợ chồng anh T chị T cũng có thanh toán tiền lãi cho chị nhưng chị không nhớ là bao nhiêu. Chị đã thông báo yêu cầu anh T chị T trả lại nhiều lần nhưng anh chị không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, chị khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương buộc anh T chị T trả cho chị số tiền vay 06 lần là 550.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi suất là 109.400.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất. Chị chỉ yêu cầu anh T, chị T trả tiền nợ gốc. Nguồn tiền cho vay là của chị, do chị tích góp nhiều năm mà có, chồng chị đã chết nhiều năm trước nên không có đóng góp gì đối với số tiền trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Mạc Văn T đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của anh Nguyễn Tuấn Hưng (người làm cùng xưởng sản xuất của anh T) xác định: Anh T vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú thôn L H, xã T Q, huyện N S, tỉnh H D. Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và giấy triệu tập anh T, văn bản yêu cầu anh T trình bày quan điểm. Anh T đã nắm được nhưng không có ý kiến gì. Đối với chị Nguyễn Thị T, hiện nay chị đang lao động tại Đài Loan. Tòa án làm việc với bà Trần Thị Oanh là mẹ đẻ chị T xác định: Chị T đang lao động tại Đài Loan nhưng hàng ngày chị vẫn liên lạc về gia đình. Khi Tòa án xuống làm việc với bà Oanh, bà Oanh sử dụng điện thoại gọi điện cho chị T để Tòa án trao đổi trực tiếp. Quan điểm của chị T: Hiện nay chị đang làm việc tại Đài Loan, không thể về tham gia tố tụng tại Tòa án được. Chị thừa nhận việc vay nợ chị T1 nhưng không nhớ số tiền nợ là bao nhiêu, chị T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị thanh toán, chị đề nghị Tòa án xem xét trao đổi để chị T1 rút yêu cầu khởi kiện, chị sẽ thanh toán cho chị T1 khi có điều kiện, hiện nay hoàn cảnh gia đình chị rất khó khăn.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Mạc Văn T và chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho chị số tiền nợ gốc 550.000.000đ. Chị không yêu cầu thanh toán lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật còn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng: Điều 463, 464, 465, 466, 470 BLDS; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị T. Buộc anh Mạc Văn T và chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho chị T1 số tiền 550.000.000đ. Về án phí: Anh T và chị T phải chịu án phí dân sự theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Mạc Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn L H, xã T Q, huyện N S, tỉnh H D. Chị T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Theo cung cấp Cục xuất nhập cảnh Bộ công an thì chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/8/1987 xuất cảnh gần nhất ngày 20/9/2022, chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh T, chị T, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng anh chị đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T chị T 02 lần nhưng anh chị vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T.

[2]. Về nội dung:

+. Xét giá trị pháp lý của 06 giấy biên nhận tiền giữa chị Vương Thị T và anh Mạc Văn T, chị Nguyễn Thị T được thiết lập vào các ngày 20/01/2020; 07/5/2020; 20/10/2020; 04/4/2021; 18/5/2021; 22/5/2021 thì thấy: Các đương sự đều xác nhận ý chí của người giao kết là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận về vay tài sản là tiền và hình thức của hợp đồng vay

bằng văn bản hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự nên hợp đồng vay tài sản trên được xác định là hợp pháp.

Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán, không thỏa thuận về lãi suất nên thuộc trường hợp: Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Trước khi tiến hành khởi kiện ra Tòa án, chị T1 đã thông báo yêu cầu vợ chồng anh chị T T phải thanh toán tiền nhưng hai bên không thống nhất được cách thức thanh toán.

+. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của chị T trình bày trực tiếp với Tòa án thông qua mạng zalo có sự chứng kiến của bà O (mẹ chị T) và đại diện chính quyền địa phương. Số tiền gốc của 06 lần vay là 550.000.000đ chị T1 đã bàn giao cho bên vay. Khi vay đều thiết lập giấy biên nhận. Người viết giấy biên nhận là chị T và cuối giấy có chữ ký và ghi rõ họ tên của chị T, anh T. Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của anh T vì anh T cố tình không làm việc với Tòa án. Khi Tòa án xuống làm việc tại nhà anh T, anh T từ chối làm việc, từ chối khai báo với Tòa án nên Tòa án không biết quan điểm của anh như thế nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do không làm việc được với anh T. Tòa án đã có Thông báo yêu cầu anh T trình bày quan điểm đối với từng yêu cầu khởi kiện của chị T1. Anh T đã nhận được Thông báo nhưng không có văn bản trình bày gửi Tòa. Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị T, anh Mạc Văn T. Kết luận giám định số 153/KL/KTHS ngày 17/8/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *“Chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị T, Mạc Văn T tại 06 giấy biên nhận so với chữ viết và chữ ký của anh T, chị T tại các tài liệu giám định là do một người viết ra”* nên có đủ căn cứ để xác định: Việc anh T, chị T vay số tiền 550.000.000đ và đến thời điểm này chưa thanh toán cho chị T1 là có thật. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì chị T1 đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, đối với anh T, chị T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thể hiện quan điểm của mình là đồng ý hay phản đối bằng văn bản gửi Tòa án. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Anh T, chị T vay số tiền trên, đến hạn chưa thanh toán được cho chị T1 theo thỏa thuận là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1 được pháp luật bảo vệ nên yêu cầu khởi kiện của chị T1 có căn cứ được chấp nhận.

Do trong giấy vay mượn tiền các bên không thỏa thuận về lãi và nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về chi phí tố tụng: Tiền giám định chữ ký và chữ viết trên 06 giấy biên nhận tiền hết 12.000.000đ. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Căn cứ 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T, chị T phải chịu số tiền chi phí này. Do chị T1 đã nộp nên anh T, chị T phải có trách nhiệm trả lại chị T1 tiền chi phí giám định là 12.000.000đ.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh T, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng: Điều 463, 464, 465, 466, 468; 469; Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị T.

Buộc anh Mạc Văn T, chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả chị Vương Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn L H, xã T Q, huyện N S, tỉnh H D số tiền **550.000.000đ**. *(năm trăm năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Mạc Văn T và chị Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho chị Vương Thị T số tiền 12.000.000đ.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Anh Mạc Văn T và chị Nguyễn Thị T phải chịu 26.000.000đ tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả chị Vương Thị T số tiền 16.485.000đ tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003961 ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Cục THADS tỉnh Hải Dương.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Đào

